

## XÁC ĐỊNH MẬT ĐỘ GIEO SẠ VÀ LƯỢNG PHÂN ĐẠM PHÙ HỢP CHO GIỐNG LÚA OM6976 TẠI NINH THUẬN

Lê Trọng Tình<sup>1</sup>, Phan Công Kiên<sup>1</sup>, Phạm Văn Phước<sup>1</sup>, Phan Văn Tiêu<sup>1</sup>,  
Nại Thanh Nhân<sup>1</sup>, Võ Minh Thu<sup>1</sup>, Phạm Quốc Ty<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Thí nghiệm xác định mật độ sạ và liều lượng phân đạm thích hợp cho giống lúa OM6976 tại Ninh Thuận được thực hiện trong vụ Đông Xuân 2015/2016 và vụ Hè Thu 2016; cả hai thí nghiệm được bố trí theo khối đầy đủ ngẫu nhiên (RCBD). Thí nghiệm mật độ sạ bố trí vụ Đông Xuân 2015/2016, gồm 4 mức mật độ 120, 160, 200 và 250 kg/ha; thí nghiệm phân đạm bố trí vụ Hè Thu 2016, gồm 4 mức 100, 120, 140 và 160 kg N/ha. Kết quả đã xác định được mật độ sạ thích hợp là 120 kg hạt/ha; liều lượng phân đạm thích hợp là 120 kg N/ha đối với giống lúa OM6976 trong điều kiện sản xuất tại Ninh Thuận.

**Từ khóa:** Giống lúa OM6976, mật độ sạ, liều lượng phân đạm

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong sản xuất lúa, để tăng năng suất và hiệu quả sản xuất, ngoài sử dụng giống lúa mới năng suất cao, thì các biện pháp kỹ thuật canh tác là yếu tố quyết định đến sự sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất của cây lúa. Vì vậy, việc xác định các biện pháp kỹ thuật thâm canh, đặc biệt là nghiên cứu lượng giống gieo sạ và lượng phân bón cho cây lúa nhằm nâng cao năng suất, tăng hiệu quả sử dụng phân bón là rất cần thiết (Trần Văn Mạnh, 2015).

Giống lúa OM6976 là giống lúa chất lượng, có thời gian sinh trưởng dao động từ 95 đến 97 ngày, đẻ nhánh khỏe, chống chịu sâu bệnh khá, ổn định, thích nghi rộng, năng suất từ 6 - 8 tấn/ha. Giống OM6976 do Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu và lai tạo, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống chính thức vào năm 2011 tại Quyết định số 711/QĐ-TT-CLT ngày 7/12/2011. Qua kết quả khảo nghiệm cơ bản trong vụ Đông Xuân 2014/2015 và Hè Thu 2015; kết quả khảo nghiệm sản xuất trong vụ Đông Xuân 2015/2016 và Hè Thu 2016 tại các địa bàn sản xuất lúa trọng điểm của tỉnh Ninh Thuận cho thấy, OM6976 là giống lúa rất thích hợp với điều kiện sinh thái của Ninh Thuận, có tiềm năng năng suất cao. Nhằm góp phần đưa giống OM6976 vào sản xuất và làm đa dạng cơ cấu giống lúa tại Ninh Thuận, thí nghiệm nghiên cứu xác định mật độ gieo sạ và lượng phân đạm phù hợp cho giống OM6976 đã được tiến hành trong vụ Đông Xuân 2015/2016 và vụ Hè Thu năm 2016 tại Ninh Thuận.

### II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống lúa OM6976: Sử dụng giống xác nhận, tỷ lệ nảy mầm  $\geq 80\%$ .

- Các loại phân bón đa lượng: Ure, supe lân, kaliclorua.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.2.1. Nghiên cứu xác định mật độ sạ phù hợp cho giống lúa OM6976

Thí nghiệm được bố trí theo kiểu RCBD, 4 công thức (mật độ sạ), 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô 20 m<sup>2</sup>, khoảng cách giữa các ô trong cùng lần nhắc lại là 20 cm và giữa các lần nhắc lại là 30 cm: Công thức 1: gieo sạ với lượng giống 120 kg/ha; Công thức 2: gieo sạ với lượng giống 160 kg/ha; Công thức 3: gieo sạ với lượng giống 200 kg/ha; Công thức 4: gieo sạ với lượng giống 250 kg/ha.

##### 2.2.2. Xác định liều lượng phân bón đạm thích hợp cho giống OM6976

Thí nghiệm được bố trí trên nền phân 60 P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> + 70 K<sub>2</sub>O kg/ha, theo khối RCBD, 4 công thức phân bón, 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô 20 m<sup>2</sup>, khoảng cách giữa các ô trong cùng lần nhắc lại là 20 cm, và giữa các lần nhắc lại là 30 cm: Công thức 1: bón 100 kg N/ha; Công thức 2: bón 120 kg N/ha; Công thức 3: bón 140 kg N/ha; Công thức 4: bón 160 kg N/ha.

##### 2.2.3. Chỉ tiêu và phương pháp đánh giá

Chỉ tiêu theo dõi, đánh giá theo tiêu chuẩn Ngành số 10 TCN 216 - 2003.

- Các chỉ tiêu thành phần năng suất: Số bông/m<sup>2</sup>, số hạt chắc/bông, khối lượng 1.000 hạt.
- Năng suất lý thuyết và năng suất thực thu.
- Tính hiệu quả kinh tế.

##### 2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Tổng hợp số liệu trên máy tính bằng chương trình Excel, phân tích bảng ANOVA số liệu bằng phần mềm thống kê sinh học MSTATC.

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ

### 2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trong vụ Đông Xuân 2015/2016 và vụ Hè Thu năm 2016 tại xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Xác định mật độ gieo sạ thích hợp cho giống lúa mới OM6976

Mật độ gieo sạ là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến thành phần năng suất, đặc biệt là cơ sở cho việc hình thành số bông trong quần thể (Trần Văn Mạnh, 2015). Mật độ gieo cấy lúa thay đổi tùy theo giống lúa, điều kiện đất đai, thời tiết, lượng phân bón nhất là phân đạm và chế độ nước (Nguyễn Ngọc Đệ, 2008).

**Bảng 1.** Ảnh hưởng của mật độ sạ đến thành phần năng suất và năng suất của giống OM6976, vụ Đông Xuân 2015/2016 tại Ninh Sơn

Mật độ sạ	Số bông hữu hiệu/m <sup>2</sup>	Số hạt chắc/bông (hạt)	Khối lượng 1.000 hạt (g)	NSLT (tấn/ha)	NSTT (tấn/ha)
120 kg	497,3 d	110,0 a	25,2 <sup>ns</sup>	13,7 b	8,2 b
160 kg	541,7 c	100,4 ab	25,2	13,6 b	8,3 ab
200 kg	604,3 b	93,9 bc	25,1	14,2 a	8,6 a
250 kg	657,0 a	83,9 c	25,0	13,8 b	8,4 ab
CV (%)	17,2	13,5	8,5	16,3	10,2
F <sub>tính</sub>	*	*	*	*	*

Ghi chú: Trong cùng một cột, những giá trị có cùng kí tự khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê; \*: khác biệt có ý nghĩa ở mức  $\alpha = 0,05$ .

**Bảng 2.** Hiệu quả kinh tế của các mật độ sạ giống lúa OM6976, vụ Đông Xuân 2015/2016 tại Ninh Sơn

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Mật độ gieo sạ (kg/ha)			
		120 kg	160 kg	200 kg	250 kg
I	Công lao động	10.500	10.500	10.500	10.500
II	Chi phí VTNN	11.165	11.645	12.125	12.725
III	Tổng thu (1.000 đ)	43.460	43.990	45.580	44.520
	Năng suất (tấn/ha)	8,2	8,3	8,6	8,4
	Giá bán (1.000 đ/kg)	5,3	5,3	5,3	5,3
IV	Lợi nhuận (III-I-II)	21.795	21.845	22.955	21.295
	Tỷ suất lợi nhuận (%)	100,6	98,6	101,5	91,7

Kết quả bảng 1 cho thấy:

- Mật độ gieo sạ khác nhau không làm ảnh hưởng tới khối lượng 1.000 hạt; khối lượng 1.000 hạt của các công thức đạt từ 25,0 - 25,2 g, không có sự sai khác nhau. Gieo sạ thưa, cây lúa có khả năng đẻ nhánh khô, tỷ lệ nhánh hữu hiệu cao, nhưng do gieo sạ thưa nên dẫn đến giảm số bông/m<sup>2</sup>. Số bông hữu hiệu/m<sup>2</sup> của các công thức dao động từ 497,3 - 657 bông/m<sup>2</sup>. Công thức gieo sạ với lượng 120 kg có số bông hữu hiệu thấp nhất (497,3 bông/m<sup>2</sup>), công thức gieo sạ 250 kg giống/ha có số bông hữu hiệu/m<sup>2</sup> đạt cao nhất, sự sai khác này có ý nghĩa ở độ tin cậy 95%. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Đoàn Văn Hồ (2014), Trần Văn Mạnh (2015) và Nguyễn Văn Hoan (2006) “lượng giống gieo sạ tăng làm số bông/m<sup>2</sup> tăng”. Tuy nhiên, khi số bông/m<sup>2</sup> tăng quá cao thì bông lúa ngắn và ít gié hơn, số hạt/bông giảm và tỷ lệ hạt chắc/bông cũng giảm theo. Để đảm bảo năng suất cao cần điều khiển sao cho ruộng lúa có số bông/m<sup>2</sup> tối ưu, đảm bảo số hạt/bông nhiều, tỷ lệ hạt chắc cao.

- Số hạt chắc/bông: ở một phạm vi nhất định số hạt chắc/bông tỷ lệ nghịch với mật độ sạ, sạ với mật độ càng thưa thì số hạt chắc/bông sẽ càng cao và ngược lại sạ với mật độ dày số hạt chắc/bông sẽ thấp. Với giống lúa mới OM6976, sạ với mật độ 120 kg/ha có số hạt chắc/bông cao nhất, sai khác có ý nghĩa so với các công thức khác.

- Công thức gieo sạ với lượng giống 200 kg giống/ha cho năng suất lý thuyết và thực thu cao nhất; lần lượt là 14,2 và 8,6 tấn/ha.

Đánh giá hiệu quả kinh tế của các công thức gieo sạ với mật độ khác nhau trên giống lúa mới OM6976 cho thấy, công thức 3 (gieo sạ 200 kg/ha) có tổng thu cao nhất đạt 45.580.000 đồng; công thức giống sạ 120 kg/ha cho tổng thu thấp nhất là 43.460 nghìn đồng. Tổng chi phí gồm công lao động (công làm đất, gieo, chăm sóc và thu hoạch) và vật tư (phân đạm, lân, kali và thuốc bảo vệ thực vật) của các công thức từ 21.665.000 đến 23.225.000 đồng/ha. Công thức sạ 200 kg/ha cho lợi nhuận cao nhất, đạt 22.955.000 đồng; thấp nhất là ở công thức 4 (sạ 250 kg/ha), đạt 21.295.000 đồng. Tuy nhiên, khi so sánh tỷ suất lợi nhuận giữa các công thức gieo sạ với các mật độ khác nhau cho thấy, các công thức gieo với mật độ từ 120 - 200 kg/ha có tỷ suất lợi nhuận gần tương đương nhau. Như vậy, trong điều kiện gieo trồng tại Ninh Thuận, để phù hợp với chủ trương ba phải năm giảm trong sản xuất lúa hiện nay, mật độ gieo sạ thích hợp cho giống lúa mới OM6976 là

120 kg/ha sẽ cho năng suất cao, hiệu quả kinh tế cao.

### 3.2. Nghiên cứu xác định liều lượng phân bón thích hợp cho giống lúa OM6976

Sau khi nghiên cứu mật độ gieo sạ thích hợp cho giống lúa OM6976 trong điều kiện vụ Đông Xuân 2015/2016 tại Ninh Thuận, thí nghiệm nghiên cứu xác định liều lượng phân bón thích hợp cho giống lúa OM6976 trong vụ Hè Thu 2016 được tiến hành trên nền phân  $60 P_2O_5 + 70 K_2O$  kg, với mật độ gieo sạ 120 kg giống/ha.

Đối với các giống lúa năng suất cao, lượng chất dinh dưỡng cây trồng lấy đi nhiều, vì vậy cần bổ sung đầy đủ các loại chất dinh dưỡng, nguyên tố đa, trung và vi lượng; trong đó đạm là chất dinh dưỡng quan trọng nhất. Để sản xuất một tấn thóc, cây lúa cần khoảng 20 kg N. Khi năng suất lúa tăng thì lượng đạm cần thiết để hình thành năng suất sẽ tăng lên (Nguyễn Văn Hoan, 2006).

**Bảng 3.** Ảnh hưởng của liều lượng phân đạm đến năng suất của giống lúa OM6976 trong vụ Hè Thu 2016

Lượng phân đạm	Số bông hữu hiệu/m <sup>2</sup> (bông)	Số hạt chắc/bông (hạt)	Tỷ lệ hạt lép (%)	Khối lượng 1.000 hạt (gam)	NSLT (tấn/ha)	NSTT (tấn/ha)
100 kg N/ha	360,3 b	107,8 b	8,2 c	25,1 <sup>ns</sup>	9,7 ab	5,5 b
120 kg N/ha	371,7 a	117,3 a	8,3 c	25,3	11,0 a	5,8 a
140 kg N/ha	355,7 bc	111,2 ab	9,7 b	25,3	10,0 ab	5,5 b
160 kg N/ha	350,3 c	106,2 b	12,2 a	25,2	9,4 b	5,2 c
CV (%)	10,2	17,5	8,7	6,5	18,4	16,3
F <sub>tính</sub>	*	*	*	*	*	*

Ghi chú: Trong cùng một cột, những giá trị có cùng kí tự khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê; \*: khác biệt có ý nghĩa ở mức  $\alpha = 0,05$ .

Kết quả bảng 3 cho thấy:

- Số bông/m<sup>2</sup>: Công thức bón 120 kg N/ha có số bông hữu hiệu/m<sup>2</sup> là cao nhất, đạt 371,7 bông và sai khác có ý nghĩa so với các công thức khác.

- Số hạt chắc/bông: Công thức bón 120 kg N/ha cho số hạt chắc/bông là cao nhất, sai khác có ý nghĩa so với các công thức khác. Đây cũng là công thức có tỷ lệ hạt lép thấp nhất (8,3%) và sai khác này có ý nghĩa thống kê.

- Năng suất lý thuyết: Công thức bón 120 kg N/ha cho năng suất lý thuyết cao nhất, sai khác có ý nghĩa thống kê với các công thức khác. Công thức này cũng cho năng suất thực thu cao nhất. Công thức bón 160 kg N/ha có năng suất lý thuyết và năng suất thực thu thấp nhất.

Qua đánh giá hiệu quả kinh tế của các công thức phân bón trên giống lúa mới OM6976 cho thấy, tổng chi phí gồm công lao động (công làm đất, gieo, chăm sóc và thu hoạch) và vật tư (phân đạm, lân, kali và thuốc bảo vệ thực vật) của các công thức từ 20.435.600 đến 21.498.100 đồng/ha. Công thức bón 120 kg N/ha có tổng thu và lợi nhuận cao nhất, tổng thu đạt 30.740.000 đồng, lợi nhuận đạt 9.950.000 đồng/ha, tỷ suất lợi nhuận đạt 47,9%; công thức bón 160 N cho tổng thu và tỷ suất lợi nhuận thấp nhất, tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 28,2%. Như vậy, liều lượng phân đạm thích hợp cho giống lúa OM6976 trong điều kiện gieo tại Ninh Thuận là 120 N kg/ha.

**Bảng 4.** Hiệu quả kinh tế của các liều lượng phân đạm trên giống lúa OM6976, vụ Hè Thu 2016 tại Ninh Sơn

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Liều lượng phân đạm (kg N/ha)			
		100 N	120 N	140 N	160 N
I	Công lao động	10.500,0	10.500,0	10.500,0	10.500,0
II	Chi phí VTNN	9.935,6	10.290,0	10.644,5	10.998,1
III	Tổng thu (1.000 đ)	29.150,0	30.740,0	29.150,0	27.560,0
	Năng suất (tấn/ha)	5,5	5,8	5,5	5,2
	Giá bán (1.000 đ/kg)	5,3	5,3	5,3	5,3
IV	Lợi nhuận (III-I-II)	8.714,5	9.950,0	8.005,6	6.061,9
	Tỷ suất lợi nhuận (%)	42,6	47,9	37,9	28,2

#### IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

##### 4.1. Kết luận

Qua nghiên cứu mật độ sạ và liều lượng đạm cho giống lúa OM 6976 tại Ninh Thuận có thể kết luận rằng:

- Mật độ gieo sạ thích hợp cho giống lúa OM6976 là 120 kg giống/ha sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất; năng suất đạt từ 8,2 tấn/ha, lợi nhuận đạt từ 21.795.000 đồng/ha và đạt tỷ suất lợi nhuận 100,6%.

- Liều lượng phân đạm thích hợp giống lúa OM6976 là 120 N kg/ha sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất; năng suất đạt từ 5,8 tấn/ha, lợi nhuận đạt từ 9.950.000 đồng/ha và đạt tỷ suất lợi nhuận 47,9%.

##### 4.2. Đề nghị

Giống lúa OM6976 gieo trồng trong điều kiện của Ninh Thuận nên sạ thẳng với lượng giống 120 kg/ha, bón phân đạm với liều lượng là 120 N kg/ha.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ **Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, 2003. 10TCN 216-2003. Quy phạm khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các loại phân bón đối với năng suất cây trồng, phẩm chất nông sản.
- Bộ **Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, 2011. Quyết định số 711/QĐ-TT-CLT ngày 7/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc công nhận chính thức giống cây trồng nông nghiệp mới.
- Nguyễn Ngọc Đệ**, 2008. *Giáo trình cây lúa*. Nxb Cần Thơ.
- Nguyễn Văn Hoan**, 2006. *Thâm canh lúa cao sản, Cẩm nang cây lúa*. Nxb Lao động.
- Đoàn Văn Hồ**, 2014. Mật độ gieo sạ và mức độ phân lân trong điều kiện có xử lý Dasvila cho lúa đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, Quyển 3(2), tr. 38-42.
- Trần Văn Mạnh**, 2015. *Nghiên cứu tuyển chọn giống lúa ngắn ngày và biện pháp kỹ thuật thâm canh phục vụ sản xuất tại vùng duyên hải Nam Trung bộ*. Luận án TS Nông nghiệp. Đại học Huế.

#### Determination of seeding density and nitrogen fertilizer doses for OM6976 rice variety in Ninh Thuan

Le Trong Tinh, Phan Cong Kien, Pham Van Phuoc, Phan Van Tieu, Nai Thanh Nhan, Vo Minh Thu, Pham Quoc Ty

#### Abstract

The experiments of seeding density and nitrogen fertilizer for OM6976 rice variety were conducted in the Winter - Spring crop season of 2015/2016 and the Summer - Autumn crop season of 2016 in Ninh Thuan and were designed in randomized complete block with three replications. The seeding density experiment was performed in Winter - Spring season of 2015/2016, including density of 120, 160, 200 and 250 kg seeds/ha; Nitrogen fertilizer dosage experiment was organized in Summer of 2016, including 4 doses of 100, 120, 140 and 160 kg N/ha. The results showed that the highest yield and economic efficiency were obtained at the treatments of 120 kg/ha with nitrogen fertilizer of 120 kg N/ha in Ninh Thuan province.

**Keywords:** OM6976 rice variety, seeding density, nitrogen fertilizer dose

Ngày nhận bài: 26/8/2018  
Ngày phản biện: 4/9/2018

Người phản biện: TS. Dương Hoàng Sơn  
Ngày duyệt đăng: 18/9/2018

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỜI ĐIỂM GIEO TRỒNG GIỐNG LẠC L27 TRONG VỤ THU ĐÔNG TẠI NGHỆ AN NĂM 2017

Nguyễn Ngọc Quát<sup>1</sup>, Phạm Thị Xuân<sup>2</sup>, Nguyễn Văn Thắng<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thị Ánh<sup>1</sup>, Nguyễn Trọng Khanh<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Nghiên cứu 3 thời điểm gieo trồng (20/8, 30/8 và 09/9/2017) tại 2 địa điểm Diễn Châu và Nghi Lộc trên giống lạc L27 trong vụ Thu Đông ở Nghệ An nhằm xác định thời điểm gieo tối ưu giúp cây lạc sinh trưởng phát triển thuận lợi và đạt năng suất cao. Kết quả cho thấy thời điểm gieo trồng thích hợp cho giống lạc L27 trong vụ Thu Đông là 20/8; cây lạc sinh trưởng phát triển tốt và đạt số quả chắc/cây, khối lượng 100 quả và khối lượng 100 hạt cao nhất. Năng suất quả khô thực thu gieo ở thời điểm này đạt cao nhất và sai khác có ý nghĩa so với thời điểm gieo 09/9 ở mức xác suất 95%; năng suất thực thu lần lượt đạt 3,09 tấn/ha ở Diễn Châu và 2,74 tấn/ha ở Nghi Lộc.

**Từ khóa:** Giống lạc L27, năng suất, thời điểm gieo, Nghệ An

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lạc là cây trồng chính trong vụ Xuân trên đất chuyên màu ở Nghệ An. Năm 2016, diện tích lạc ở Nghệ An là 15.741,2 ha với năng suất trung bình 2,5 tấn/ha, bằng 33,4% tổng diện tích trồng lạc vùng Bắc Trung bộ và bằng 8,5% diện tích trồng lạc của cả nước (Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, 2017). Yêu cầu cấp thiết là phải tập trung nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lạc ở Nghệ An nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất lạc, đưa cây lạc thành cây trồng chủ lực để phát triển thành vùng sản xuất lạc hàng hóa. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Nghệ An chủ yếu sử dụng giống lạc L14, giống bị thoái hóa, khả năng chống chịu sâu bệnh kém, năng suất thấp do đã đưa vào sản xuất trong thời gian dài hơn 10 năm. Vì vậy, cần sử dụng giống lạc mới thay thế giống lạc L14 để phát triển thế mạnh về sản xuất cây lạc tại Nghệ An (Ngô Thế Dân và *ctv.*, 2000). Trong những năm gần đây, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ - Viện Cây Lương thực và Cây thực phẩm đã tạo ra giống Lạc L27 có năng suất cao hơn giống L14 từ 13 - 25%, chất lượng tương đương và khả năng chống chịu sâu bệnh hại khá. Do vậy, việc nghiên cứu xác định thời vụ gieo trồng giống lạc L27 là cần thiết để bước đầu xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất giống lạc L27 cho địa phương.

### II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống lạc mới L27 do Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ chọn tạo theo phương pháp chọn lọc phá hệ từ tổ hợp lai giữa L18 × L16 và đã được công nhận chính thức theo Quyết định số 142/QĐ-TT-CCN ngày 22 tháng 4 năm 2016, cho các tỉnh phía Bắc.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Các công thức thí nghiệm: Thí nghiệm gồm 3 công thức tương ứng với 3 thời điểm gieo trồng: 20/8, 30/8 và 09/9/2017.

- Bố trí thí nghiệm: Thí nghiệm được bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCB) với 3 lần nhắc lại. Diện tích ô thí nghiệm là 50 m<sup>2</sup>.

- Quy trình kỹ thuật chăm sóc: Theo quy trình kỹ thuật canh tác lạc giống lạc L27 cho các tỉnh phía Bắc.

- Các chỉ tiêu theo dõi: Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống lạc QCVN 01-57: 2011/BNNPTNN (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011).

- Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu được phân tích, xử lý theo chương trình Excel và phần mềm thống kê sinh học IRRISTAT 5.0.

#### 2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại hai huyện Diễn Châu và Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trong vụ Thu Đông năm 2017.

### III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ và lượng mưa từ tháng 8 đến tháng 11 qua các năm của tỉnh Nghệ An

Nhiệt độ và độ ẩm ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình sinh trưởng, phát triển và năng suất lạc. Cây lạc sinh trưởng phát triển tốt nhất trong ngưỡng nhiệt độ thích hợp từ 25 - 30°C và ở thời kỳ ra hoa làm quả độ ẩm đất đạt từ 70 - 80%. Trong vụ Thu Đông, nhiệt độ và độ ẩm có xu hướng giảm dần nên việc xác định được thời điểm gieo trồng thích hợp trong vụ sản xuất lạc là rất cần thiết.

<sup>1</sup> Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm; <sup>2</sup> Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam